

BỔ SUNG MỘT LOÀI THUỘC CHI GIÓ KHÔI-*LEPISANTHES* Blume (HỌ BỒ HÒN-SAPINDACEAE Juss.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

HÀ MINH TÂM

Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2

NGUYỄN KHẮC KHÔI, VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trên thế giới, chi *Lepisanthes* Blume (Sapindaceae Juss.) có 24 loài, phân bố ở khắp các vùng nhiệt đới của châu Phi, Madagascar, Nam Á và Đông Nam Á, từ Xri Lanca tới Trung Quốc, qua vùng Malesia tới vùng Tây Bắc Ôxtrâyliia. Theo Lecomte (1912), Gagnepain (1950), Phạm Hoàng Hộ (2000), Trần Kim Liên & Hà Minh Tâm (2003)..., ở Việt Nam chi này có 6 loài là: *L. amplifolia*, (Pierre) Leenh., *L. banaensis* Gagnep., *L. fruticosa* (Roxb.) Leenh., *L. rubiginosa* (Roxb.) Leenh., *L. senegalensis* (Poir.) Leenh. và *L. tetraphylla* (Vahl) Radlk.

Trong quá trình nghiên cứu các mẫu vật thuộc chi *Lepisanthes* Blume, chúng tôi đã kiểm tra và xác định mẫu mang số hiệu Vũ Dũng 36 (thu tại An Hội, An Khê, Gia Lai, ngày 19/8/1979) thuộc loài *Lepisanthes unilocularis* Leenh. Khác biệt rõ nhất của loài này với tất cả các loài khác trong chi là bầu và quả luôn có 1 ô.

Cho đến nay, *L. unilocularis* mới chỉ được phát hiện ở đảo Hải Nam, Trung Quốc. Như vậy, việc phát hiện loài này ở Việt Nam không những bổ sung cho hệ thực vật của nước ta 1 loài cây hiếm gặp mà còn cung cấp dẫn liệu mới về sự phân bố của chúng. Ngoài ra, Leenhouts công bố loài này năm 1969 dựa vào mẫu S. K. Lau 5773 chỉ có quả; từ đó đến nay, chưa có tác giả nào tìm được mẫu có hoa vì vậy công trình của chúng tôi còn bổ sung cho bản mô tả gốc của Leenhouts một số thông tin về hoa của loài này.

Dưới đây là một số thông tin về chi *Lepisanthes* Blume và loài *L. unilocularis* Leenh.:

***LEPISANTHES* Blume-GIÓ KHÔI, LÂN HÙNG**

Blume, 1825. Bijdr. 5: 237; H. Lecomte, 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 1016; Leenh. 1969. Blumea, 17: 33; H. S. Lo & T. C. Chen, 1985. Fl. Reip. Pop. Sin. 47(1): 22; Leenh. 1994. Fl. Mal. I. 11: 627; Welzen, 1999. Fl. Thail. 7(1): 212; T. K. Liên & H. M. Tâm, 2003. Checklist Pl. Sp. Vietn. 2: 1020. - *Aphania* Blume, 1825. Bijdr. 5: 236. - *Erioglossum* Blume, 1825. Bijdr. 5: 229. - *Otophora* Blume, 1847. Rumphia, 3: 142. - *Otolepis* Turcz. 1848. Bull. Soc. Nat. Mosc. 21: 572, fig. 2b, 3a. - *Hemigyrosa* Blume, 1850. Rumphia, 3: 165.

Cây gỗ hoặc cây bụi. Các bộ phận non thường có lông đơn, ít khi nhẵn hoàn toàn. Lá kép lông chim chẵn hoặc lẻ, gồm 1-40 đôi lá chét, hiếm khi chỉ có 1 lá chét; cuống chung và cuống lá có hoặc không có cánh; có hoặc không có lá kèm giả. Lá chét mọc đối hoặc mọc cách; gốc cân hoặc lệch; mép nguyên; hai mặt lá thường có lông, không có lỗ tuyến; gân bên kéo dài tới gân mép hoặc vắn hợp. Cụm hoa dạng chùy, thường phân nhánh, mọc ở nách lá gần đỉnh cành, ở đỉnh cành hoặc ở phần thân không mang lá, thường có lông. Lá bắc và lá bắc nhỏ hình mác, hình trứng hoặc hình đường. **Hoa giả tạp tính** (*pseudomixis*) [Cây có hoa “giả tạp

Công trình được hỗ trợ về kinh phí của Chương trình nghiên cứu cơ bản.

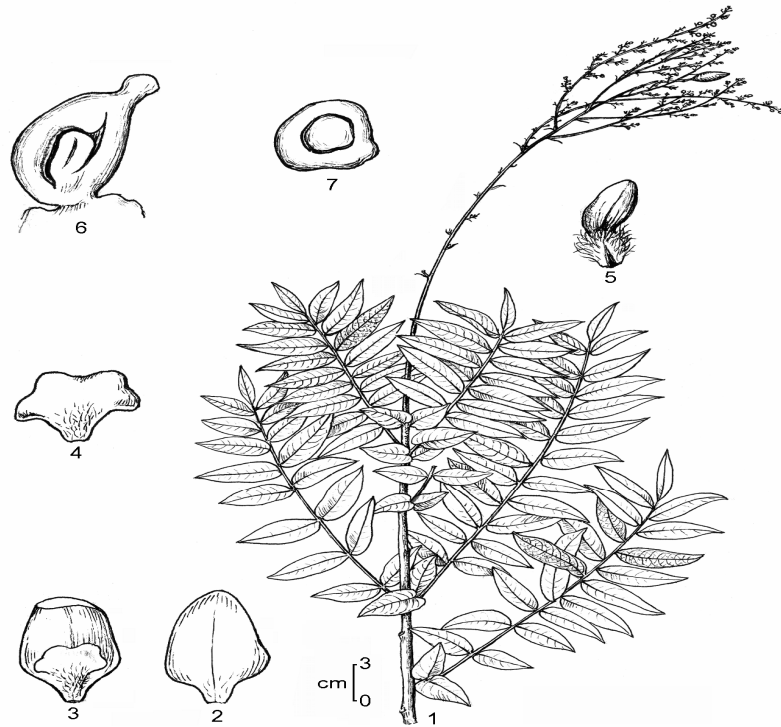
tính” (*pseudomixis*) là cây có kiểu hoa khá đặc biệt: các thành phần của hoa giống hạt hoa lưỡng tính, nhưng chức năng của hoa là đơn tính (ở hoa mang tính đực thì bao phấn có hạt phấn và mở được, còn bộ nhụy không tạo quả; ở hoa mang tính cái bao phấn không có hạt phấn và không mở, còn bộ nhụy phát triển thành quả). Thuật ngữ “giả tạp tính” do Nguyễn Tiến Bản đề xuất], cùng gốc, đều. Đài rời, gồm 4-5(-6) lá đài, xếp lợp, 1-2 lá phía ngoài (thường hình tròn) nhỏ hơn những lá bên trong (thường hình trứng rộng hoặc hình thuôn). Cánh hoa 4-5(-6); thường hình trứng ngược đến hình thìa, ngắn hơn hoặc dài hơn đài; gốc cánh hoa thường có cựa, mặt trong có 1 vảy, đôi khi giống như một vành rậm lông hoặc 1 đôi thùy tai nhỏ; vảy có mào hoặc không. Triên tuyến mặt hình vành khuyên, nguyên thường hơi chia thùy hoặc ngắt quãng. Nhị (4-)8(-18), thường không thò khỏi tràng ở hoa đực; chỉ nhị thường nhiều lông; bao phấn hình bầu dục hoặc hình thuôn, đính gốc, nhẵn hoặc có lông. Bầu không cuống hoặc có

cuống ngắn, chia thùy hoặc không, (1-)2-3(-4) ô, thường có lông; mỗi ô chứa 1 noãn; có vòi nhụy hoặc không; núm nhụy hình cầu hoặc dạng vòm củ hành, đôi khi hơi chia thùy. Quả hạch, hơi có thùy hoặc xẻ sâu thành 2-3 **giả phân quả** (*pseudofruitlet*) [Kiểu quả xẻ sâu thành các “giả phân quả” (*pseudofruitlet*) là kiểu quả đặc trưng cho họ Sapindaceae (như ở Vải, Nhân, Chôm chôm, v.v...) và một số họ khác (ví dụ Ochnaceae); ở chúng có bộ nhụy hợp, nhưng khi thành quả chỉ phần bầu phát triển thành các phân quả và không có dấu vết của vòi nhụy ở đỉnh. Thuật ngữ “giả phân quả” do Nguyễn Tiến Bản đề xuất], ít khi nguyên; vỏ quả mỏng hoặc dày, nhẵn hoặc hơi có nốt, có lông hoặc không có lông. Hạt hình bầu dục hoặc hình trứng, hai bên thường hơi dẹp, màu xám hoặc màu đen, nhẵn hoặc thỉnh thoảng có rậm lông; rốn hạt gần hình tròn; không có tử y.

Typus: *Lepisanthes montana* Blume [= *Lepisanthes tetraphylla* (Vahl) Radlk.]

KHOÁ ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THUỘC CHI *LEPISANTHES* Blume ĐÃ BIẾT Ở VIỆT NAM

- 1A. Tràng ngắn hơn đài. Chỉ nhị ngắn hơn bao phấn. Luôn có lá kèm giả tồn tại. (**Subgen.1.** OTOPHORA).
- 2A. Bầu và quả luôn có 1 ô. Lá kép lông chim lẻ..... **1. *L. unilocularis***
- 2B. Bầu và quả có 2-3(-4) ô. Lá kép lông chim chẵn (thỉnh thoảng trông như lẻ do 1 lá chét đỉnh tiêu giảm mạnh).
- 3A. Lá kèm giả có gân chân vịt hoặc mạng lưới, hiếm khi có gân lông chim. Cánh hoa có 2 tai hoặc 1 vảy nhỏ uốn ngược..... **2. *L. fruticosa***
- 3B. Lá kèm giả có gân lông chim. Cánh hoa có 1 vảy to, vảy có 3 góc **3. *L. amplifolia***
- 1B. Tràng dài bằng hoặc dài hơn đài. Chỉ nhị dài bằng hoặc dài hơn bao phấn. Hiếm khi có lá kèm giả sớm rụng (xem *L. seneganensis*).
- 4A. Tràng dài bằng đài. Thỉnh thoảng có lá kèm giả nhưng sớm rụng (**Subgen.2.** APHANIA) **4. *L. senegalensis***
- 4B. Tràng dài hơn đài. Không có lá kèm giả.
- 5A. Quả xẻ sâu thành giả phân quả. Cả hai mặt lá chét có lông, nhất là ở gân chính và gân bên. Cụm hoa ở đỉnh và nách lá gần đỉnh (**Subgen.3.** ERIOGLOSSUM) **5. *L. rubiginosa***
- 5B. Quả thường chỉ có gờ. Lá chét hầu như không có lông. Cụm hoa ở cành không mang lá hoặc ở nách lá, hiếm khi ở đỉnh (**Subgen.4.** LEPISANTHES).
- 6A. Nhị 10-13. Gốc cụm hoa có nhánh mọc đối chữ thập. **6. *L. banaensis***
- 6B. Nhị thường 8. Cụm hoa không có nhánh mọc đối chữ thập..... **7. *L. tetraphylla***



Lepisanthes unilocularis Leenh.

1. cành mang hoa và quả; 2. mặt ngoài cánh hoa; 3. mặt trong cánh hoa;
4. mặt trong vảy; 5. nhị; 6. bầu (bổ dọc); 7. bầu (cắt ngang).
(hình vẽ theo mẫu Vũ Dũng 36, HN)

***Lepisanthes unilocularis* Leenh. - Quả mỏ,**
Gió khơi một ô

Leenh. 1969. Blumea, 17: 73, emend. H. M. Tam (flos). - *Otophora unilocularis* (Leenh.) H. S. Lo, 1974. Fl. Hainan. 3: 575; H. S. Lo & T. C. Chen, 1985. Fl. Reip. Pop. Sin. 47(1): 26.

Descriptio addenda (flos): Inflorescentia long 30-40 cm, sparse pubescentia. Bractea lanceolata, 1.5 mm long., margine pubescentes. Flos: sepal 5, imbricata, glabra, dimorpha, exteriora 2 ovata vel elliptica, 1 mm long., 0.8 mm lat.; interiola 3 suborbiculata, 1.5-2.2 mm long.; petala 4, elliptica vel suborbiculata, 1-1.4 mm long., 0.7-1.1 mm lat.; unguiculatus 0.25 mm celsus; exteriora sparse pubescentia, intus supra basin squamata; squama 4 loba, intus sparse pubescentia; discus glaber; stamina 7-8; filamentum 0.2-0.4 mm long, pilosum; antheria basifixa, 0.5-0.7 mm long., glabra; ovarium sessile, 1 lobe, ovatum vel ellipticum, 1-2 mm

long., 0.8-1.2 mm lat., glabrum; stylus brevis, graber; stigma grabrum, subcapitatum.

Cây bụi cao 1,5 m. Cành mang hoa có lông vờ (bì khổng) thưa và mờ, nhiều lông màu vàng nhạt. Lá kép lông chim lẻ, gồm 9-12 đôi lá chét; cuống lá dài 0-3 mm, có rãnh, nhiều lông; trục lá dài 4-17 cm, có rãnh, nhiều lông. Lá kèm giả không có cuống, đính sát gốc lá, hình tim, chóp nhọn, kích thước cỡ 1,2-3,2 × 0,8-1,5 cm, gân hình lông chim. Lá chét mọc đối hoặc mọc cách, thường không có cuống (hiếm khi có cuống dài 3 mm), hình bầu dục hoặc hình mác, cỡ 2-5 × 0,5-1,8 cm; chóp nhọn hoặc tù; gốc thường gân hình tim (rõ ở những lá chét phía dưới), lệch; mặt trên thường không có lông, hiếm khi có lông ở gốc gân chính, có nốt màu trắng chìm trong phiến lá; mặt dưới không có lông, có nốt màu trắng rõ hơn ở mặt trên; gân chính nổi lên ở cả mặt trên; gân bên 6-8 đôi, vắn hợp ở gân mép; gân phụ phát triển mạnh, thường nối với gân bên; gân mạng dạng lưới, rõ ở mặt

dưới. Cụm hoa hình chùy mảnh, mọc ở đỉnh cành, dài tới 30-40 cm, có lông thưa. Lá bắc hình mác, dài 1,5 mm, có lông ở mép; cuống hoa không có lông. Hoa có 5 lá đài, rời, xếp lớp, cả hai mặt đều không có lông; 2 lá bên ngoài hình trứng hoặc bầu dục, cỡ 1 × 0,8 mm; 3 lá bên trong gần tròn, lõm, cỡ 1,5-2,2 mm, mép trông như cánh hoa và có tua; cánh hoa 4, nhỏ hơn lá đài, hình bầu dục hoặc gần tròn, cỡ 1-1,4 × 0,7-1,1 mm, cựa cao tới 0,25 mm; mặt ngoài có 1 vài lông ở cựa và nửa dưới cánh hoa; mặt trong không có lông, gốc có 1 vảy nhỏ; vảy hơi có thùy hoặc có 4 thùy, có lông dài và thưa; triền không có lông; nhị 7-8; chỉ nhị dài 0,2-0,4 mm, nhiều lông; bao phấn dài 0,5-0,7 mm, không có lông; bầu không có cuống, 1 ô, 1 noãn, hình trứng hoặc hình bầu dục, cỡ 1-2 × 0,8-1,2 mm, không có lông; vòi nhụy rất ngắn, không có lông; núm nhụy nguyên, gần hình đầu, không có lông. Cuống quả dài 2 mm, không có lông. Quả hình bầu dục, cỡ 1,3 × 0,5 cm, không có lông, mỗi quả chứa 1 hạt. Hạt màu nâu, cỡ 0,8 × 4-5 mm; rốn hạt tròn.

Loc. class.: China, Hainan. **Typus:** S. K. Lau 5773 (A).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa vào tháng 6-8; quả chín vào tháng 9, 3. Mọc hoang trong

rừng, nơi đất khô và nhiều cát.

Phân bố: Gia Lai (An Khê). Còn có ở Trung Quốc (Hải Nam).

Mẫu nghiên cứu: Gia Lai, Vũ Dũng 36 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Gagnepain F.**, 1950: Suppl. Flore Générale de l'Indochine, I(4): 915-989, Paris.
2. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, II: 318-320, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
3. **Lecomte H.**, 1912: Flore Générale de l'Indochine, 1: 1001-1053, Paris.
4. **Leenhouts P. W.**, 1969: Blumea, 17(1): 33-89.
5. **Leenhouts P. W.**, 1994: Flora Malesiana, I, 11(3): 627-653, Leiden, Netherlands.
6. **Trần Kim Liên & Hà Minh Tâm**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 1020-1022, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. **Lo H. S. & Chen T. C.**, 1985: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 47 (1): 26, Peikin.
8. **Pierre L.**, 1895: Flore forestière de la Cochinchine: 325B-331B, Paris.

A NEW RECORD OF THE GENUS *LEPISANTHES* Blume (SAPINDACEAE Juss.) FOR THE FLORA OF VIETNAM

HA MINH TAM, NGUYEN KHAC KHOI, VU XUAN PHUONG

SUMMARY

The genus *Lepisanthes* Blume (Sapindaceae Juss.) has 24 species distributing in tropical Africa, Madagascar, S and SE Asia from Sri Lanka to Hainan (China), Malesian area and NW Australia. According to Pierre (1895), Lecomte (1912), Gagnepain (1950), Pham Hoang Ho (2000), Tran Kim Lien & Ha Minh Tam (2003)..., in Vietnam, the genus *Lepisanthes* have 6 species: *Lepisanthes amplifolia* (Pierre) Leenh., *Lepisanthes banaensis* Gagnep., *Lepisanthes fruticosa* (Roxb.) Leenh., *Lepisanthes rubiginosa* (Roxb.) Leenh., *Lepisanthes senegalensis* (Poir.) Leenh. and *Lepisanthes tetraphylla* (Vahl) Radlk. During the study of the specimen Vu Dung 36 collected in Gialai province (Ankhe), we have identified that it is *Lepisanthes unilocularis* Leenh., a new record for the flora of Vietnam.

The clearest difference between *Lepisanthes unilocularis* and all other species of the genus *Lepisanthes* is in ovary and fruit. The ovary and fruit of *Lepisanthes unilocularis* always has one loculus while the ovary and fruit of other species of the genus *Lepisanthes* often has 2-3(-4) loculi.

In this article, we add some informations of the flower characteristics for Leenhouts' description.

Ngày nhận bài: 1-6-2005